TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST Ngày 15-01-2026 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyen Ven V , sinh năm 1970; quốc tịch Hoa Kỳ; địa chỉ cư trú: S, K, Bi, AL 3****, Hoa Kỳ (USA).

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số nhà S đường Đ, tổ S, thôn M, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận).

Ông Nguyen Ven V , bà Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyen Ven V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2022, ngày 29/09/2022. Sau khi kết hôn, ông quay trở lại Mỹ để sinh sống và làm việc. Đồng thời làm giấy tờ để bảo lãnh vợ ông (bà Trần Thị T) sang Hoa Kỳ (USA) để đoàn tụ cùng ông. Còn bà Trần Thị T vẫn ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình vợ chồng chờ ngày đoàn tụ thì ông, bà không tìm được tiếng nói chung, tình cảm dần nhạt phai vì khoảng cách địa lý quá xa, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà Trần Thị T xác định không còn tình cảm với nhau và cùng thống nhất tự nguyện không tiếp tục cuộc hôn nhân, vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 08/12/2025, bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyen Ven V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2022 vào ngày 29/09/2022. Tuy nhiên, vì vị trí địa lý xa xôi, vợ chồng không sống cùng nhau nên tình cảm dần nhạt phai, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà đồng ý ly hôn với ông Nguyen Ven V . Hiện tại, bà không đang mang thai hay nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết việc ly hôn cho bà và ông Nguyen Ven V .

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa Án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Nguyên đơn ông Nguyen Ven V có quốc tịch Hoa Kỳ và hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ theo Giấy tờ, tài liệu hợp pháp hóa lãnh sự do Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 24/10/2025. Bị đơn bà Trần Thị T đang cư trú tại xã N, tỉnh Lâm Đồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa sơ thẩm của Viện kiểm sát: Ngày 15/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng có Văn bản số 11/VKS-HNGĐ từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình với lý do vụ án không thuộc thẩm quyền tham gia xét xử của Viện kiểm sát theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

*"**Điều 21. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự***

...2. Viện kiểm sát tham gia các phiên họp sơ thẩm đối với các việc dân sự; phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật này…".

[1.4] Về tống đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyen Ven V đã ủy quyền hợp lệ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Quang C, sinh năm 1988, căn cước công dân số 060088011499, địa chỉ thường trú Số nhà S đường Đ, tổ S, thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận), (theo Giấy ủy quyền 03/10/2025 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự) nên các văn bản giao cho nguyên đơn đều hợp lệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyen Ven V và bà Trần Thị T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Nay là tỉnh Lâm Đồng) và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2022, ngày 29/09/2022, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của ông V, bà T, thì ông V sinh sống tại Hoa Kỳ, bà T sinh sống tại Việt Nam, trong quá trình chờ ngày bảo lãnh bà T sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ thì ông, bà không tìm được tiếng nói chung, tình cảm dần nhạt phai vì khoảng cách địa lý quá xa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Nguyen Ven V và bà Trần Thị T xác định không còn tình cảm với nhau nữa và cùng thống nhất tự nguyện không tiếp tục cuộc hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa ông V, bà T đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của ông Nguyen Ven V đối với bà Trần Thị T.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyen Ven V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyen Ven V đối với bà Trần Thị T về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyen Ven V được ly hôn với bà Trần Thị T.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyen Ven V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008603 ngày 17/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyen Ven V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung